

Số:

Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất Công ty TNHH Yuan Hong” tại KCN Mỹ Xuân A, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ CÁC KCN BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Quyết định số 959/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2017 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

Căn cứ Quyết định số 182/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2020 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc ủy quyền thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường cho Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh;

Căn cứ kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất công ty TNHH Yuan Hong” tại KCN Mỹ Xuân A, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thẩm định thông qua việc lấy kiến tại Thông báo số 12/BQL-MT ngày 04/01/2022 của Ban quản lý các KCN;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất Công ty TNHH Yuan Hong” tại KCN Mỹ Xuân A đã được chỉnh sửa, bổ sung kèm theo Văn bản số 022022/ĐTM-YUANHONG ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Công ty TNHH Yuan Hong;

Xét đề nghị của Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường – Ban Quản lý các KCN,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất Công ty TNHH Yuan Hong” tại KCN Mỹ Xuân A, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (sau đây gọi là dự án) được lập bởi Công ty TNHH Yuan Hong (sau đây gọi là chủ dự án) với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 175/QĐ-BQL ngày 10/12/2020 của Ban Quản lý các KCN./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Yuan Hong (chủ dự án);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thị xã Phú Mỹ;
- UBND phường Mỹ Xuân;
- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh;
- Chủ đầu tư KCN Mỹ Xuân A;
- Lưu: VT, HSMT, Website Ban.

TRƯỞNG BAN

Nguyễn Anh Triết

PHỤ LỤC

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

“Nhà máy sản xuất Công ty TNHH Yuan Hong” tại KCN Mỹ Xuân A, phường Mỹ Xuân, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BQL ngày tháng 03 năm 2022 của Ban Quản lý các KCN Bà Rịa – Vũng Tàu)

1. Thông tin về dự án:

- Tên dự án: Nhà máy sản xuất Công ty TNHH Yuan Hong
- Chủ dự án: Công ty TNHH Yuan Hong
- Địa điểm thực hiện dự án: KCN Mỹ Xuân A, phường Mỹ Xuân, Thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Dự án “Nhà máy sản xuất Công ty TNHH Yuan Hong” của Công ty TNHH Yuan Hong đã được Ban quản lý các KCN tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 175/QĐ-BQL ngày 10/12/2020. Với quy mô công suất: Giai đoạn 1 (Sản xuất bí ngô từ nhựa PU với công suất 300 tấn/năm; Rối hơi từ vải với công suất 1.000.000 sản phẩm/năm), giai đoạn 2 (Sản xuất các sản phẩm từ nhựa với công suất 6.000 sản phẩm/năm; Lắp ráp các loại đèn LED với công suất 600.000 sản phẩm/năm).

- Dự án đã được Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo kết quả kiểm tra các công trình xử lý chất thải để vận hành thử nghiệm dự án Nhà máy sản xuất Công ty TNHH Yuan Hong – giai đoạn 1 tại Văn bản số 9025/STNMT-BVMT ngày 30/12/2021.

1.1. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Tiếp tục thực hiện giai đoạn 1 của dự án (Sản xuất bí ngô từ nhựa PU với công suất 300 tấn/năm; Rối hơi từ vải với công suất 1.000.000 sản phẩm/năm) theo Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM số 175/QĐ-BQL ngày 10/12/2020 của Ban Quản lý các KCN.

- Không thực hiện giai đoạn 2 của dự án. Nâng công suất sản xuất các sản phẩm giai đoạn 1 của dự án. Tổng công suất cụ thể của toàn bộ dự án sau khi điều chỉnh, nâng công suất:

- + Sản xuất bí ngô từ nhựa PU: 500 tấn/năm.
- + Sản phẩm rối hơi từ vải: 1.500.000 sản phẩm/năm.
- Diện tích thực hiện dự án: 59.386 m².

1.2. Công nghệ sản xuất:

Sơ lược quy trình sản xuất:

- Công nghệ sản xuất bí ngô từ nhựa PU:

+ Công đoạn chuẩn bị khuôn bí ngô:

Khuôn bí ngô → Phun chất chống dính → sấy (50 – 55°C) → Phun sơn → sấy (50 – 55°C) → khuôn chuẩn.

+ Công đoạn sản xuất bí ngô:

Nguyên liệu sản xuất PU → duy trì nhiệt độ trong khoảng 20 – 25°C đảm bảo ở thể lỏng → định lượng hóa chất → nạp, trộn → phun khuôn (khuôn chuẩn) → sấy (50 – 55°C) → tháo khuôn → cắt bavia → dán → sơn và sấy → phác thảo tự do, tạo hình → đóng ngày, tháng → đóng gói.

- Công nghệ sản xuất sản phẩm rời hơi từ vải:

Nguyên liệu vải → cắt → in (thực hiện ở nhà thầu phụ) → may → lắp ráp → thành phẩm → đóng gói → sản phẩm.

Nguồn nguyên liệu chính:

- Sản xuất bí ngô từ nhựa PU: Methylene diphenyl diisocyanate (hay MDI); Poly (oxyethylene oxypropylene) glycol; chất chống dính; sơn; dung môi (half-tone thinner); keo dán, filler, chất đông cứng (hardener), nước rửa khuôn RE481-17B (Dimethyl acetamide 99,9%); sáp.

- Sản phẩm rời hơi từ vải: Vải, mô tơ quạt và bộ chuyển đổi điện áp, đá mi, phụ kiện nhựa.

1.6. Các hạng mục công trình chính của dự án:

- Tổng diện tích xây dựng của Dự án: 36.289,98 m².

- Diện tích đất cây xanh, thảm cỏ: 13.021,02 m² (đạt 21,93% so tổng diện tích lô đất của dự án: 59.386 m²).

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình hoạt động của 500 công nhân viên tại nhà máy.

- Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình sản xuất gồm:

+ Hơi dung môi, bụi từ công đoạn nạp, trộn nguyên liệu, pha sơn sản xuất sản phẩm bí ngô từ nhựa PU.

+ Hơi hóa chất, dung môi hữu cơ từ công đoạn sản xuất sản phẩm bí ngô từ nhựa PU:

- + Bụi trong quá trình cắt, may sản phẩm rời hơi từ vải.
- + Bụi, khí thải sinh ra từ các xe vận tải vận chuyển ra vào nhà máy.
- + Mùi hôi từ cống rãnh, phân hủy bùn thải của hệ thống thoát nước mưa; từ phân hủy rác thải, nước thải sinh hoạt công nhân, cũng như từ nhà vệ sinh.
- + Khí thải từ hệ thống điều hòa không khí.
- + Mùi, hơi hóa chất bảo vệ thực vật từ chăm sóc cây xanh.
- + Bụi, khí thải sinh ra từ máy phát điện dự phòng.
- Rác thải sinh hoạt từ hoạt động của cán bộ, công nhân viên; Chất thải rắn công nghiệp thông thường, CTNH,...

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hoạt động của 500 CBCNV làm việc tại khu vực dự án (nước vệ sinh, nấu ăn nhà bếp, ...) là 50,5 m³/ngày.đêm. Thành phần chất ô nhiễm bao gồm: các chất cặn bã, chất lơ lửng (SS), chất hữu cơ (BOD/COD), chất dinh dưỡng (N,P) và vi sinh.

- Nước thải sản xuất: không phát sinh.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

- Bụi, hơi dung môi từ công đoạn nạo, trộn hóa chất; pha sơn sản xuất sản phẩm bí ngô từ nhựa PU.

- Bụi từ công đoạn cắt, may sản phẩm rời hơi từ vải: Bụi phát sinh khá nhỏ, nhà máy sẽ thông thoáng nhà xưởng và trang bị khẩu trang cho công nhân trong quá trình làm việc.

- Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình đốt cháy nhiên liệu của các phương tiện vận chuyển; khí thải từ quá trình hoạt động của máy phát điện dự phòng. Thành phần ô nhiễm chính: CO, NO_x, SO₂, CO₂.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt của 500 cán bộ, công nhân viên làm việc tại dự án khoảng 300 kg/ngày. Bao gồm các loại bao bì, thức ăn thừa từ nhà ăn,...

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động sản xuất của dự án khoảng 8,90 – 198,72 tấn/năm. Thành phần chất thải rắn công nghiệp bao gồm: bao bì, thùng carton chứa nguyên liệu, sản phẩm thải bỏ; bavia (vải dư) từ sản phẩm rời hơi từ vải; mô tơ quạt, bộ chuyển đổi điện áp hư, thải bỏ, ...

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

- Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất của dự án khoảng 50,0 tấn/năm. Thành phần chất thải nguy hại bao gồm: giẻ lau dính thành phần nguy hại;

cặn sơn, sơn thải; than hoạt tính từ hệ thống xử lý VOC; bao bì thải bỏ, hộp mực in thải, bóng đèn huỳnh quang thải, ...

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

Nước thải sinh hoạt phát sinh hàng ngày tại nhà máy khoảng 50,5 m³/ngày. Được xử lý sơ bộ tại hệ thống bể tự hoại, sau đó dẫn về xử lý tại trạm XLNT tập trung của KCN Mỹ Xuân A để tiếp tục xử lý.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:*

+ Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình hoạt động của Nhà máy đạt giới hạn tiếp nhận của KCN Mỹ Xuân A trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

Dự án lắp đặt 03 module (module 1, module 2, module 3) để xử lý bụi, khí thải phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất của dự án. Trong đó: module 1, module 2 đã lắp đặt hoàn thiện.

Công trình xử lý	Vị trí thu gom	Kích thước chụp hút/thu gom	Đường kính ống thu gom	Bố trí quạt hút	Hệ thống xử lý	Phát thải
Module 1	1 Dây chuyền làm bí ngô PU: Khu vực phun chất chống dính, sơn, phun khuôn (Chuyên 1)	2 chụp hút đôi (DxR = 2x2m)	D = 400 mm (L = 100 m nối từ 4 quạt) → D = 600 mm (L = 25m) → tháp lọc bụi sơn	4 quạt hút (1hp), đặt trên chụp hút mỗi chụp 2 quạt hút	Tháp lọc bụi sơn (D = 2,0m; H = 3,5m) → Quạt hút (Công suất 22 HP) → Tháp hấp phụ than hoạt tính (gồm 2 tấm đệm chứa than hoạt tính; D = 2,0 m; H = 3,5 m)	Ống khói cao 9 m
	1 dây chuyền sơn kết hợp sấy (chuyên sấy tự động)	Đồng bộ với buồng sơn	D = 400 mm (L = 40m nối từ 2 quạt) → tháp lọc bụi sơn	2 quạt hút (1hp) lắp tại đường hút bụi sơn về tháp lọc bụi sơn		
	1 dây chuyền sơn kết hợp sấy (chuyên sấy tự động)	Đồng bộ với buồng sơn	D = 400 mm (L = 29m nối từ 2 quạt) → tháp lọc bụi sơn	2 quạt hút (1hp) lắp tại đường hút bụi sơn về tháp lọc bụi sơn		

Công trình xử lý	Vị trí thu gom	Kích thước chụp hút/thu gom	Đường kính ống thu gom	Bố trí quạt hút	Hệ thống xử lý	Phát thải
Module 2	1 Dây chuyền làm bí ngô PU: Khu vực phun chất chống dính, sơn, phun khuôn (Chuyên 2)	2 chụp hút đôi (DxR = 2x2m)	D = 400 mm (L = 18m nổi lên từ 4 quạt) → D = 600 mm (L = 47m, đường ống thu gom chính) → tháp lọc bụi sơn	4 quạt hút (1hp) đặt trên chụp hút mỗi chụp 2 quạt + 1 quạt (5hp) đặt cuối tuyến ống thu gom để trợ lực đẩy vào tháp lọc bụi sơn	Tháp lọc bụi sơn (D = 3m; H = 3,5m) → Quạt hút (công suất 30 HP) → Tháp hấp phụ than hoạt tính (gồm 2 tấm đệm chứa than hoạt tính; 3,5m x 2m x 3,0m)	Ống khói cao 9 m.
	1 dây chuyền sơn kết hợp sấy (chuyên sấy tự động)	Đồng bộ với buồng sơn	D = 500 mm (L= 10 m) rồi nối vào ống D600 của tuyến thu gom từ chuyên PU 2 cùng đi về bụi sơn tháp lọc bụi sơn	2 quạt hút (1hp) lắp tại đường hút bụi sơn về tháp lọc bụi sơn		
	Buồng sơn thủ công (Khu vực 2 buồng sơn đơn)	Đồng bộ với buồng sơn	D = 400 mm (L = 5m nổi từ 2 quạt), rồi nối vào ống D600 của tuyến thu gom từ khu vực bù keo, dán keo → tháp lọc bụi sơn	2 quạt hút (1hp) đặt trên các tuyến ống thu gom tại buồng sơn		
	Khu vực dán keo	6 chụp hút đơn (DxR = 2x1m)	D = 500 mm (L= 40m nổi từ 6 quạt) → D = 600 mm (L = 30 m, nối vào đường thu	6 quạt hút (1hp) đặt trên chụp hút		

Công trình xử lý	Vị trí thu gom	Kích thước chụp hút/thu gom	Đường kính ống thu gom	Bố trí quạt hút	Hệ thống xử lý	Phát thải
			gom chính D600, cùng với khu vực bù keo) → tháp lọc bụi sơn			
	Khu vực bù keo	4 chụp hút đơn (DxR = 2x1m)	D = 500 mm (L= 16 m nối từ 4 quạt) →D = 600 mm (L= 179 m, đường ống thu gom chính) → tháp lọc bụi sơn	4 quạt hút (1hp) đặt trên chụp hút + 1 quạt (5hp) đặt cuối tuyến ống thu gom để trợ lực đẩy vào tháp lọc bụi sơn		
Module 3	1 Dây chuyền làm bí ngô PU: Khu vực phun chất chống dính, sơn, phun khuôn (Chuyên 3)	2 chụp hút đôi (DxR = 2x2m)	D = 500 mm (L= 20 m x 2) rồi nối vào ống D700 của tuyến thu gom từ khu vực tô cuống cùng đi về tháp lọc bụi sơn	4 quạt hút (1hp) đặt trên chụp hút mỗi chụp 2 quạt	Quạt hút 50 HP → Tháp lọc bụi sơn (D = 3m; H =3,5m) → Tháp hấp phụ than hoạt tính (gồm 2 tấm đệm chứa than hoạt tính; 3,5m x 2m x 3,0m)	Ống khói cao 9 m.
	Khu vực đắp bột	6 chụp hút đơn (DxR = 2x1m)	D = 500 mm (L = 51m, nối từ 6 quạt) →D = 600 mm (L = 14m, nối với ống chính D600 → ống D600 nối liền với ống D700 (thu gom	6 quạt hút (1hp) đặt trên chụp hút		

Công trình xử lý	Vị trí thu gom	Kích thước chụp hút/thu gom	Đường kính ống thu gom	Bố trí quạt hút	Hệ thống xử lý	Phát thải
			chung với khu vực tô cuông) → tháp lọc bụi sơn			
	Khu vực tô cuông	6 chụp hút đơn (DxR = 2x1m)	D = 500 mm (L = 51m, nối từ 6 quạt) → D = 600 mm (L = 50m, đường thu gom chính nối liền với ống D700 → D = 700 mm (L = 73m, ống thu gom chính) → tháp lọc bụi sơn	6 quạt hút (1hp) đặt trên chụp hút		

a) Module 1:

Quy trình xử lý như sau:

Bụi, hơi dung môi phát sinh (Từ 01 dây chuyền PU1, 02 dây chuyền sơn kết hợp sấy) → Tháp lọc bụi sơn → Quạt hút → Tháp hấp phụ than hoạt tính → Ống khói.

Các thông số kỹ thuật cơ bản Module 1:

STT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
1	Gia công tháp lọc bụi sơn	Kích thước: Đường kính D=2,0m; Chiều cao H = 3,5m	Cái	1
2	Gia công tháp hấp phụ	Kích thước: Đường kính D=2,0m; H=3,5m	Cái	1
3	Quạt hút ly tâm	Công suất: 22HP Lưu lượng: 22.000 m ³ /h Cột áp: 3.500 Pa	Cái	1
4	Quạt hút công nghiệp.	Công suất: 1,0HP Lưu lượng: 4.000 m ³ /h Cột áp: 130-180 Pa	Cái	8

b) Module 2:

Quy trình xử lý như sau:

Bụi, hơi dung môi phát sinh (Từ 01 dây chuyền PU2, 01 dây chuyền sơn kết hợp sấy, khu vực bù keo, khu vực dán keo, buồng sơn thủ công) → Tháp lọc bụi sơn → Quạt hút → Tháp hấp phụ than hoạt tính → Ống khói.

Các thông số kỹ thuật cơ bản Module 2:

STT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
1	Gia công tháp lọc bụi sơn	Kích thước: Đường kính D=3,0m; Chiều cao H = 3,5m	Cái	1
2	Gia công tháp hấp phụ	Kích thước: 3,5m x 2m x 3,0m	Cái	1
3	Quạt hút ly tâm	Công suất: 30HP Lưu lượng: 30.000 m ³ /h Cột áp: 3.500 Pa	Cái	1
4	Quạt hút công nghiệp	Công suất: 5HP Lưu lượng: 13.000 m ³ /h Cột áp: 220 Pa	Cái	2
5	Quạt hút công nghiệp	Quạt hút hướng trục Công suất: 1,0HP Lưu lượng: 4.000 m ³ /h Cột áp: 130-180 Pa	Cái	18

c) Module 3:

Quy trình xử lý như sau:

Bụi, hơi dung môi phát sinh (Từ dây chuyền PU3, khu vực đập bột, khu vực tô cuông) → Tháp lọc bụi sơn → Quạt hút → Tháp hấp phụ than hoạt tính → Ống khói.

Các thông số kỹ thuật cơ bản Module 3:

STT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật	DVT	Số lượng
1	Gia công tháp lọc bụi sơn	Kích thước: Đường kính D=3,0m; Chiều cao H = 3,5m	Cái	1
2	Gia công tháp hấp phụ	Kích thước: 3,5m x 2m x 3,0m	Cái	1
3	Quạt hút ly tâm	Quạt hút ly tâm Công suất: 50HP Lưu lượng: 30.000 m ³ /h Cột áp: 3.500 Pa	Cái	1
4	Quạt hút công nghiệp	Quạt hút hướng trục Công suất: 1,0HP Lưu lượng: 4.000 m ³ /h Cột áp: 130-180 Pa	Cái	16

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: thu gom khí thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi theo QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B; K_v= 1; K_p theo tổng lưu lượng các nguồn thải), Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ theo QCVN 20:2009/BTNMT. Thực hiện các biện pháp không chế, giảm thiểu mùi hôi khó chịu hoặc gây ô nhiễm môi trường.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Công ty bố trí kho chứa CTR khi Dự án đi vào hoạt động như sau:

- 1 kho lưu chứa CTRSH diện tích 42 m².
- 1 kho lưu chứa CTRCN diện tích 170 m².
- Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt tại khu vực có phát sinh, thu gom về kho chứa CTRSH sau đó chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.
- Khu vực lưu giữ chất thải rắn công nghiệp: Lưu giữ trong kho chứa của nhà

máy. Sau đó chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: thu gom, xử lý các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

Bố trí các thùng chứa chất thải nguy hại tạm thời trong nhà xưởng sản xuất và thu gom về khu lưu giữ chất thải nguy hại có diện tích 128 m². Chất thải nguy hại phát sinh được hợp đồng với các đơn vị có đầy đủ chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- *Yêu cầu bảo vệ môi trường*: thu gom, xử lý các loại chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

- Thường xuyên kiểm tra độ mòn chi tiết và thường kỳ cho dầu bôi trơn hoặc thay những thiết bị hư hỏng đối với máy cắt, máy may sản xuất sản phẩm rời hơi từ vải.

- Cây xanh, thảm cỏ được trồng xung quanh nhà máy, xây tường bao xung quanh nhà máy để giảm tiếng ồn phát tán ra xung quanh.

- Thực hiện biện pháp giảm thiểu tiếng ồn và độ rung: thiết kế các bộ phận giảm âm, lắp đệm chống ồn trong quá trình lắp đặt thiết bị tại Nhà máy.

- Kiểm soát nhiệt thừa bằng cách lắp đặt hệ thống điều hòa không khí và thông thoáng nhà xưởng đảm bảo điều kiện hoạt động cho công nhân viên trong khu vực sản xuất.

3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Công tác phòng cháy và chữa cháy: Dự án đã lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của Dự án, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn phòng cháy và chữa cháy.

- Phòng chống sự cố do máy biến áp: Bố trí các trạm biến áp phân phối 22kV trong phòng có tường bao quanh, bảo đảm phòng ngừa tác hại do điện từ trường đến sức khỏe công nhân.

- Định kỳ kiểm tra các thiết bị, máy móc của hệ thống xử lý: quạt, đường ống thu gom hơi dung môi, VOC, tháp lọc bụi sơn, than hoạt tính sử dụng.

- Có thiết bị dự phòng thay thế khi xảy ra sự cố như mô tơ, quạt hút.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án

- Công trình xử lý hơi dung môi, VOC:

+ Module 1: Công trình xử lý hơi dung môi hữu cơ, VOC từ khu vực sơn kết hợp sấy, khu vực sản xuất bí ngô PU (chuyên PU 1) (đã lắp đặt).

+ Module 2: Công trình xử lý hơi dung môi hữu cơ, VOC từ khu vực sản xuất bí ngô PU (chuyên PU 2), buồng sơn thủ công (sơn màng nước), dán keo, bù keo, sơn kết hợp sấy (đã lắp đặt).

+ Module 3: Công trình xử lý hơi dung môi hữu cơ, VOC từ khu vực đập bột, tô cuống, khu vực sản xuất bí ngô PU (chuyên 3) (lắp đặt mới).

- Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn: Kho chứa rác thải sinh hoạt 42 m²; kho chứa chất thải công nghiệp không nguy hại và phế liệu 170 m² và kho chứa CTNH 128 m² (đã xây dựng).

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án trong giai đoạn hoạt động

5.1. Giai đoạn vận hành thử nghiệm

Thực hiện việc giám sát chất thải trong giai đoạn vận hành thử nghiệm theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các quy định có liên quan.

5.2. Giai đoạn hoạt động

5.2.1. Giám sát khí thải

- Vị trí giám sát: 03 điểm.

+ Module 1: Đầu ra hệ thống xử lý hơi dung môi hữu cơ, VOC khu vực sơn kết hợp sấy, khu vực sản xuất bí ngô PU (chuyên PU 1).

+ Module 2: Đầu ra hệ thống xử lý hơi dung môi hữu cơ, VOC từ khu vực sản xuất bí ngô PU (chuyên PU 2), buồng sơn thủ công (sơn màng nước), dán keo, bù keo, sơn kết hợp sấy.

+ Module 3: Đầu ra hệ thống xử lý hơi dung môi hữu cơ, VOC từ khu vực đập bột, tô cuống, khu vực sản xuất bí ngô PU (chuyên 3).

- Thông số giám sát: lưu lượng, Bụi, n-Butyl axetat (CH₃COOC₄H₉), Xylen (C₆H₄(CH₃)₂), Etylaxetat (CH₃COOC₂H₅), n – Butanol (CH₃(CH₂)₃OH), n-heptan.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/1 lần.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 19:2009/BTNMT, K_p = 0,9, K_v = 1 – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ; QCVN

20:2009/BTNMT– Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

5.2.2. Giám sát nước thải

- Thông số giám sát: Lưu lượng, BOD5, COD, TSS, tổng N, tổng P.
- Vị trí giám sát: 01 mẫu nước thải tại vị trí đầu nối vào hệ thống thoát nước thải của KCN Mỹ Xuân A.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/1 lần.
- Quy chuẩn áp dụng: Tiêu chuẩn đầu vào trạm XLNT của KCN Mỹ Xuân A

5.2.3. Giám sát Chất thải rắn

- Thông số giám sát: khối lượng thải
- Vị trí giám sát: tại vị trí lưu giữ CTR sinh hoạt, chất thải rắn sản xuất và chất thải nguy hại của nhà máy.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/1 lần.

6. Các điều kiện liên quan đến môi trường:

Chủ dự án phải thực hiện các yêu cầu sau:

6.1. Chủ dự án phải cam kết thực hiện nghiêm túc Luật Đầu tư và các quy định khác của pháp luật Việt Nam. Thực hiện thi công xây dựng dự án theo đúng thiết kế, phương án thi công,... được các cơ quan có thẩm quyền thẩm định/phê duyệt theo quy định. Chỉ đưa dự án vào vận hành sau khi đã đầu tư hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường theo quy định.

6.2. Thực hiện nghiêm túc Quyết định số 43/2011/QĐ-UBND ngày 23 tháng 8 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ban hành Quy định về phân vùng phát thải khí thải, xả nước thải theo quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về môi trường trên địa bàn tỉnh.

6.3. Trong trường hợp xảy ra sự cố môi trường, phải lập tức dừng ngay mọi hoạt động, kịp thời ứng phó sự cố, khắc phục hậu quả và đền bù mọi thiệt hại xảy ra đối với các đối tượng bị tác động bởi hoạt động của dự án.

6.4. Kiểm tra, giám sát hoạt động thi công xây dựng và vận hành dự án bảo đảm không gây tác động tiêu cực đến môi trường, đến an toàn các hạng mục công trình dự án và các đối tượng xung quanh khác.

6.5. Thực hiện chương trình giám sát môi trường định kỳ đối với chất thải với tần suất 03 tháng/lần. Định kỳ 01 năm/lần báo cáo tiến độ thực hiện dự án và công tác bảo vệ môi trường dự án về Ban Quản lý các KCN, Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, giám sát./.

